| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 3 – SƠN LA** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 18/2026/HNGĐ–ST
Ngày: 03–02–2026
*V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - SƠN LA**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nông Văn Thịnh.

*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Trần Thành Vân, bà Lò Thị Thành.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Đinh Thị Ánh - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 - Sơn La.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Sơn La tham gia phiên tòa:*** Ông Sộng Nỏ Ly - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 29/2025/TLST-HNGĐ ngày 07/11/2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/12/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2025/QĐST-HNGĐ ngày 14/01/2026, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Quàng Thị Đ; sinh năm: 1992. Nơi cư trú: Bản Kh, xã ML, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

*2. Bị đơn:* Anh Bùi Văn T; sinh năm: 1983. Nơi cư trú: Bản Kh, xã ML, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Quàng Thị Đ trình bày:***

Chị Điển và anh Bùi Văn T kết hôn với nhau từ ngày 31/3/2010. Đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã ML, huyện SC, tỉnh Sơn La (Nay là Uỷ ban nhân dân xã ML, tỉnh Sơn La). Việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách không hợp nhau, quan điểm trong cuộc sống vợ chồng không đồng thuận, mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên ngăn nhưng cuộc sống vợ chồng không được cải thiện, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Anh T đi làm nhưng không gửi tiền về nuôi con. Nay chị Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị giải quyết ly hôn với anh Bùi Văn T.

Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung là cháu Bùi Duy M, sinh ngày 12/9/2009; cháu Bùi Duy Th, sinh ngày 19/12/2011; cháu Bùi Quỳnh X, sinh ngày 05/11/2017; cháu Bùi Quỳnh H, sinh ngày 05/11/2017. Chị Đ yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 04 cháu đến khi trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Đ không yêu cầu anh Bùi Văn T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Quàng Thị Đ cam đoan không có nợ chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Bùi Văn T đã được Toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập để viết bản tự khai, tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, tham gia phiên tòa nhưng anh Tính vắng mặt nên không có ý kiến về việc giải quyết ly hôn.

Căn cứ khoản 3 Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xác minh nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, điều kiện nuôi con tại nơi cư trú của các đương sự và ý kiến của con chung như sau:

Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương ngày 07/11/2025 xác định: Chị Quàng Thị Đ và anh Bùi Văn T có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại Bản Kh, xã ML, tỉnh Sơn La được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên chửi bới nhau. Quá trình chung sống chị Đ và anh T có 04 con chung là cháu Bùi Duy M, cháu Bùi Duy Th, cháu Bùi Quỳnh X và cháu Bùi Quỳnh H. Hiện các cháu đều đang sống cùng với mẹ là chị Quàng Thị Đ. Về tài sản chung, nợ chung chính quyền địa phương không nắm được.

Tại biên bản ghi ý kiến con chung ngày 17/11/2025: 04 cháu đều có nguyện vọng ở với mẹ nếu bố mẹ các cháu ly hôn.

Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, bị đơn đã được Toà án triệu tập nhiều lần nhưng không có mặt để tham gia tố tụng. Do đó vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn vẫn kiên quyết ly hôn với lý do vợ chồng có nhiều mâu thuẫn gia đình không thể hàn gắn được vì tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã rất trầm trọng.

Chị Quàng Thị Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt với nội dung: Chị Đ giữ nguyên ý kiến như trình bày trong đơn khởi kiện và bản tự khai.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không cung cấp thêm chứng cứ cho Tòa án, không có ý kiến gì về các chứng cứ do các đương sự khác xuất trình và không yêu cầu triệu tập đương sự khác, người tham gia tố tụng khác.

***Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Sơn La phát biểu ý kiến:***

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ

pháp luật, xác định đúng đầy đủ tư cách tham gia tố tụng, tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ đúng quy định, đảm bảo đúng thời hạn, tống đạt đầy đủ hợp lệ các văn bản tố tụng cho đương sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa diễn ra theo đúng quy định của pháp luật, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định pháp luật tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016, đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

Về hôn nhân: Xử cho chị Quàng Thị Đ được ly hôn với anh Bùi Văn T.

Về con chung: Giao cháu Bùi Duy M, sinh ngày 12/9/2009; cháu Bùi Duy Th, sinh ngày 19/12/2011; cháu Bùi Quỳnh X, sinh gày 05/11/2017; cháu Bùi Quỳnh H, sinh ngày 05/11/2017 cho chị Quàng Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Bùi Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Toà án không giải quyết.

Về án phí: Chị Quàng Thị Đ được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Quàng Thị Đ yêu cầu ly hôn với anh Bùi Văn T có nơi cư trú tại Bản Kh, xã ML, tỉnh Sơn La. Tòa án nhân dân khu vực 3 - Sơn La thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 1 của Luật số 85/2025/QH15 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Nguyên đơn chị Quàng Thị Đ vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Bùi Văn T đã được Tòa án triệu tập tống đạt hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm b

khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Quàng Thị Đ và anh Bùi Văn T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ML, huyện SC, tỉnh Sơn La (Nay là Uỷ ban nhân dân xã ML, tỉnh Sơn La), việc kết hôn là tự nguyện không bị ai ép buộc, khi kết hôn hai bên đủ kiều kiện kết hôn theo quy định. Do đó, chị Đ và anh T là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách hai anh chị không hợp nhau, thường xuyên cãi vã nhau, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hai bên gia đình đã hòa giải cho vợ chồng nhưng không thể hàn gắn được tình cảm. Tình cảm vợ chồng không còn, chị Đ kiên quyết xin ly hôn với anh Bùi Văn T.

Tòa án đã tiến hành triệu tập tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhiều lần cho bị đơn anh Bùi Văn T để viết bản tự khai, tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng anh Bùi Văn T vẫn vắng mặt, không có ý kiến về quan điểm xin ly hôn.

Trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ, biên bản xác minh tại địa phương, bản tự khai của đương sự và tại phiên tòa cho thấy cuộc sống chung vợ chồng của chị Đ và anh T không hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài, nguyên nhân do mâu thuẫn gia đình, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không thể hoà hợp được, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai dẫn đến tình cảm vợ chồng xa cách, hôn nhân gia đình trở nên bế tắc.

Từ các căn cứ nêu trên cho thấy mâu thuẫn của vợ chồng chị Đ và anh T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Quàng Thị Đ được ly hôn với anh Bùi Văn T.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung là cháu Bùi Duy M, sinh ngày 12/9/2009; cháu Bùi Duy Th, sinh ngày 19/12/2011; cháu Bùi Quỳnh X, sinh ngày 05/11/2017; cháu Bùi Quỳnh H, sinh ngày 05/11/2017. Hiện cả 04 cháu đang ở với chị Quàng Thị Đ.

Ý kiến của chị Quàng Thị Đ nếu ly hôn xin được trực tiếp nuôi dưỡng 04 con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chị Đ không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Quá trình giải quyết vụ án anh T không có ý kiến gì.

Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ vào đề nghị của nguyên đơn, ý kiến của 04 cháu đều có nguyện vọng ở với mẹ. Kết quả xác minh thể hiện cả 04 cháu: Bùi Duy M, Bùi Duy Th, Bùi Quỳnh X và Bùi Quỳnh H đang ở với chị Quàng Thị Đ, đang do chi Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng tại Bản Kh, xã ML, tỉnh Sơn La. Chị Đ đảm bảo mọi điều kiện về chỗ ở, thu nhập để nuôi con chung. Do đó cần giao các cháu Bùi Duy M, Bùi Duy Th, Bùi Quỳnh X và Bùi Quỳnh H cho chị

Quàng Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Bùi Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Đ không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Quàng Thị Đ xác định không có, không yêu cầu Toà án giải quyết. Do đó không xem xét giải quyết trong vụ án. Trường hợp sau khi giải quyết ly hôn có phát sinh tranh chấp và có người yêu cầu, sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Nguyên đơn là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có yêu cầu miễn án phí. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho chị Quàng Thị Đ.

***Vì các lẽ trên,***

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 1 của Luật số 85/2025/QH15 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

***Tuyên xử:***

**1.** Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Quàng Thị Đ được ly hôn với anh Bùi Văn T.

**2.** Về con chung: Giao cháu Bùi Duy M, sinh ngày 12/9/2009; cháu Bùi Duy Th, sinh ngày 19/12/2011; cháu Bùi Quỳnh X, sinh ngày 05/11/2017; cháu Bùi Quỳnh H, sinh ngày 05/11/2017 cho chị Quàng Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi trưởng thành (Đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Bùi Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do không có người yêu cầu.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con (anh T) có quyền thăm nom con, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

**3.** Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết trong vụ án. Trường hợp sau khi giải quyết ly hôn có phát sinh tranh chấp và có người yêu cầu, sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

**4.** Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho chị Quàng Thị Đ.

**5.** Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

| THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ | | THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA |
|---|---|---|
| *(Đã ký)* | *(Đã ký)* | *(Đã ký)* |
| **Trần Thành Vân** | **Lò Thị Thành** | **Nông Văn Thịnh** |

| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 3- SƠN LA** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

# BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 15 giờ 00 phút, ngày 03 tháng 02 năm 2026.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3- Sơn La.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nông Văn Thịnh.

*Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Ông Trần Thành Vân.

2. Bà Lò Thị Thành.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 29/2025/TLST-HNGĐ ngày 07/11/2025, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Quàng Thị Đ.

*2. Bị đơn:* Anh Bùi Văn T.

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.*

## HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

**1. Về điều luật áp dụng:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 1 của Luật số 85/2025/QH15 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

*Biểu quyết: 3/3 nhất trí.*

**2. Về việc giải quyết vụ án**

**2.1.** Về hôn nhân: Xử cho chị Quàng Thị Đ được ly hôn với anh Bùi Văn T.

*Biểu quyết: 3/3 nhất trí.*

**2.2.** Về con chung: Giao cháu Bùi Duy Mạnh, sinh ngày 12/9/2009; cháu Bùi Duy Thành, sinh ngày 19/12/2011; cháu Bùi Quỳnh Xuân, sinh ngày 05/11/2017;

cháu Bùi Quỳnh Hoa, sinh ngày 05/11/2017 cho chị Quàng Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi trưởng thành (Đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Bùi Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do không có người yêu cầu.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con (anh Tính) có quyền thăm nom con, không ai được cản trở anh Tính thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

*Biểu quyết: 3/3 nhất trí.*

**2.3.** Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết trong vụ án. Trường hợp sau khi giải quyết ly hôn có phát sinh tranh chấp và có người yêu cầu, sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

*Biểu quyết: 3/3 nhất trí.*

2.4. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho chị Quàng Thị Đ.

*Biểu quyết: 3/3 nhất trí.*

**3. Về quyền kháng cáo:** Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Biểu quyết: 3/3 nhất trí.*

Nghị án kết thúc vào hồi 15 giờ 30 phút, ngày 03 tháng 02 năm 2026.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

| **THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** | | **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA** |
|---|---|---|
| **Trần Thành Vân** | **Lò Thị Thành** | **Nông Văn Thịnh** |